

**TOÀ PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2025/HC-PT

Ngày: 21/8/2025

V/v: “*kiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

ông **Phạm Tồn**

Các Thẩm phán:

ông **Đặng Kim Nhân**

ông **Đinh Phước Hoà**

- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Thu Ba - Thẩm tra viên Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Bùi Ngô Ý Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 49/2025/TLPT-HC ngày 16 tháng 7 năm 2025 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 55/2025/HC-ST ngày 26/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 335A/2025/QĐ-PT ngày 07 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông **Lê Quốc T**, sinh năm 1970; địa chỉ: **4 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**. (Nay là **phường T, tỉnh Đắk Lắk**). Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: **UBND phường T, tỉnh Đắk Lắk**. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ông **Lê Thanh T1**, sinh năm 1996; địa chỉ: **4 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**. (Nay là **phường T, tỉnh Đắk Lắk**). Vắng mặt.

+ Bà **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1994; địa chỉ: **4 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**. (Nay là **phường T, tỉnh Đắk Lắk**). Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thu H và ông Lê Thanh T1: Ông **Lê Quốc T**, sinh năm 1970; địa chỉ: **4 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**. (Nay là **phường T, tỉnh Đắk Lắk**). Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện ông **Lê Quốc T** vừa là người khởi kiện vừa là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông **Lê Thanh T1** bà **Nguyễn Thị Thu H** trình bày:*

Năm 1994, tôi được bố là ông **Lê L** cho thửa đất có diện tích 130m², thửa đất số 59, tờ bản đồ số 31 tại địa chỉ: **4 N, phường T, thành phố B** để làm nhà ở. Năm 1996, tôi đã xây nhà ở và sử dụng ổn định thửa đất này từ thời điểm đó. Năm 2022, thửa đất này được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD832913 đứng tên ông **Lê Quốc T**.

Năm 2023, **UBND thành phố B** đã thu hồi một phần diện tích của thửa đất này để thực hiện công trình **đường H** (từ đoạn nối tiếp giai đoạn 1 đến **đường N**). Tôi đã nhận được quyết định thu hồi đất và phương án đền bù, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất theo Quyết định số 7874/QĐ-UBND ngày 31/12/2023 của **Ủy ban nhân dân thành phố B**. Đối với việc đền bù này có một số nội dung không thỏa đáng ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp, chính đáng của gia đình nên tôi kiện **Ủy ban nhân dân thành phố B**.

Về loại đất: Theo Quyết định số 7874/QĐ-UBND thì **Ủy ban nhân dân thành phố B** về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: **Đường N** thì thu hồi hộ gia đình tôi 7,0 m² đất ở đô thị và 65,1 m² đất trồng cây hàng năm khác. 65,1 m² đất trồng cây hàng năm khác này không được phân loại đất ở là do khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì diện tích đất này thuộc chỉ giới quy hoạch đường hẻm (năm 2022). Trong khi đó, thửa đất này gia đình tôi đã sử dụng ổn định để làm nhà ở từ năm 1996, tức là trước thời điểm quy hoạch đường và tại thời điểm tôi xây dựng nhà để ở thì quy hoạch tại nơi này là quy hoạch đất ở đô thị.

Mặt khác, ở thời điểm năm 1996 gia đình tôi cũng đã xây dựng nhà ở trên toàn bộ diện tích đất này nên cũng không còn đất để trồng cây hàng năm. Vì vậy **Ủy ban nhân dân thành phố B** phải đền bù diện tích đất 65,1 m² này cho gia đình tôi theo loại đất ở đô thị.

Về vật kiến trúc: căn nhà của tôi có diện tích 90m². Phần nằm trong diện tích thu hồi là 56,27m². Vì kết cấu nhà ở liền khối nên sau khi tháo dỡ công trình thì toàn bộ ngôi nhà có diện tích là 90m² sẽ bị xập, không thể tiếp tục sử dụng được. Vì vậy, **U** phải bồi thường toàn bộ căn nhà cho gia đình tôi.

Về tái định cư, hộ gia đình tôi bị thu hồi 72,1 m² đất ở là số diện tích lớn hơn 50% so với diện tích mỗi thửa đất tái định cư trên địa bàn **thành phố B**. Mặt khác, theo quy định thì hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển chỗ ở mà không có nhà ở đất ở nào khác trên địa bàn **phường T**, cũng như có nhiều nhân khẩu cùng sống trên một thửa đất, đồng thời diện tích đất còn lại của hộ gia đình tôi rất nhỏ, không đủ điều kiện xây dựng lại căn nhà cho gia đình sinh sống. Vì vậy, gia đình tôi hoàn toàn đủ điều kiện để được giao đất tái định cư.

Vì những căn cứ như trên, tôi khởi kiện tại Tòa án, yêu cầu giải quyết các nội dung sau:

1. Hủy một phần Quyết định số 7874/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2023 của **Ủy ban nhân dân thành phố B** về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện công trình: **Đường H** (từ đoạn nối tiếp giai đoạn 1 đến **đường N**), **thành phố B**.

2. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B đền bù diện tích đất 65,1m² đã thu hồi theo loại đất nông nghiệp thành loại đất ở đô thị.
3. Buộc UBND thành phố B bồi thường toàn bộ diện tích nhà ở là 90m².
4. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B giao 01 thửa đất tái định cư cho hộ ông Lê Quốc T.

Ngày 10/12/2024 ông Lê Quốc T có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân T bồi thường toàn bộ diện tích nhà ở là 90m².

* Ông Lê Đại T2 là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:

1. Về bồi thường đất:

Nguồn gốc đất: Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 31 tại phường T, có nguồn từ Công ty L1 của Nhà nước bán thanh lý cho ông Phạm Văn T3 năm 1992. Đến năm 1994, ông T3 bán một phần diện tích đất được mua thanh lý cho ông Lê Lý. Sau đó ông Lê L cho tặng cho ông Lê Quốc T và được Sở T4 cấp giấy chứng nhận QSD đất số ĐĐ 832913 ngày 27/01/2022 với tổng diện tích: 63m² đất ở. Tổng diện tích thửa đất theo hiện trạng là 128,1m², tăng 65,1m² đất là do khi cấp giấy chứng nhận trừ chỉ giới quy hoạch đường. Diện tích đất thu hồi: 72,1m². Trong đó: Có 7,0m² đất ở đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 65,1m² trồng cây hàng năm khác chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất nhưng có cùng nguồn gốc với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Diện tích 65,1m² đất thuộc chỉ giới quy hoạch đường, không được cấp giấy chứng nhận QSD đất, không được công nhận là đất ở. (Căn cứ Khoản 1, 2 và 3, Điều 11 của Luật Đất đai 2013, việc xác định loại đất theo một trong các căn cứ sau đây: “1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đã được cấp trước ngày 10 tháng 12 năm 2009; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; 2. Giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 100 của Luật này đối với trường hợp chưa được cấp Giấy chứng nhận quy định tại khoản 1 Điều này; 3. Quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với trường hợp chưa được cấp Giấy chứng nhận quy định tại khoản 1 Điều này; ...”

Mặt khác, tại khoản 2 Điều 77 của Luật Đất đai 2013 “2. Đối với đất nông nghiệp đã sử dụng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp nhưng không có Giấy chứng nhận hoặc không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này thì được bồi thường đối với diện tích đất thực tế đang sử dụng, diện tích được bồi thường không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 129 của Luật này.”

Như vậy, việc UBND thành phố B ban hành Quyết định số 7874/QĐ-UBND ngày 31/12/2023 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện công trình: Đường H (Từ đoạn nối tiếp giai đoạn 1 đến đường N), thành phố B. Trong đó có ông Lê Quốc T được bồi thường diện tích 65,1m² đất thuộc chỉ giới quy hoạch đường, không được cấp giấy chứng nhận QSD đất, được xác định là đất trồng cây hàng năm khác là đúng theo quy định.

2. Về bồi thường nhà:

Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện công trình: **Đường H** (Từ đoạn nối tiếp giai đoạn 1 đến **đường N**), **thành phố B**. Thì ông **Lê Quốc T** bị ảnh hưởng diện tích nhà cấp 4 là 56,27m² (trong đó có 7,0m² nhà được xây dựng trên đất ở và 49,27m² nhà được xác định là xây dựng trên đất nông nghiệp), nhà cấp 4 của ông **T** được xây dựng năm 1996, đối chiếu với quy định bồi thường thì diện tích nhà cấp 4 là 56,27m² được bồi thường và hỗ trợ bằng 100% theo đơn giá xây dựng mới của tỉnh ban hành (Được phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 7874/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện công trình: **Đường H** (Từ đoạn nối tiếp giai đoạn 1 đến **đường N**), **thành phố B**).

Theo Khoản 1, Điều 14 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND, ngày 15/3/2022 của **UBND tỉnh Đ** quy định “1. Đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài khi Nhà nước thu hồi đất phải tháo dỡ toàn bộ hoặc phá dỡ một phần mà phần còn lại không bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật thì chủ sở hữu nhà ở, công trình đó được bồi thường bằng giá trị xây dựng mới của nhà ở, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương theo đơn giá nhà xây dựng mới do Ủy ban nhân dân tỉnh B tại thời điểm thu hồi...”

Phần diện tích nhà còn lại của ông **Lê Quốc T** không bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật thì chủ sở hữu nhà ở (theo Biên bản đánh giá tiêu chuẩn kỹ thuật, công năng sử dụng đối với nhà gắn liền với đất thu hồi ngày 14/3/2024). Do đó, ngày 09/10/2024, **UBND thành phố B** ban hành Quyết định số 6537/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi phí sửa chữa, hoàn thiện phần còn lại theo tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương nhà ở của các hộ dân khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: **Đường H** (Từ đoạn nối tiếp giai đoạn 1 đến **đường N**), **thành phố B** (đợt 2). Trong đó có ông **Lê Quốc T** được bồi thường bổ sung phần diện tích nhà còn lại là 32,37 m² theo đơn giá xây dựng mới của tỉnh ban hành.

Như vậy, toàn bộ diện tích 88,64m² nhà cấp 4 do ông **Lê Quốc Thanh quản L** sử dụng đã được bồi thường, hỗ trợ 100% theo đơn giá xây dựng mới của tỉnh ban hành.

3. Về giao đất tái định cư:

Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 31 tại **phường T** được **Sở T4** cấp giấy chứng nhận QSD đất số ĐĐ 832913 ngày 27/01/2022 với tổng diện tích: 63m² đất ở cho ông **Lê Quốc T**. Tổng diện tích thửa đất theo hiện trạng là 128,1m². Tại Quyết định số 7875/QĐ-UBND ngày 31/12/2023 của **UBND thành phố B** về việc thu hồi diện tích 72,1m². Trong đó: Có 7,0m² đất ở đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 65,1m² đất trồng cây hàng năm khác chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông **Lê Quốc T**.

* Diện tích còn lại là 56,0 m² đất ở tại đô thị đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ khoản 1, Điều 6, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định “Bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở. Việc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở quy định tại Điều 79 của Luật Đất đai. Mặt khác, theo quy định tại điểm 2, khoản 1, Điều 1 Quyết định số 45/2023/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của **UBND tỉnh Đ** thì phần diện tích còn lại

lớn hơn 40m² đủ điều kiện hình thành thửa đất. Do đó không có căn cứ để giao đất tái định cư cho ông **Lê Quốc T**. Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk không chấp nhận đơn khởi kiện của ông **Lê Quốc T**.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 55/2025/HC-ST ngày 26/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 143; Điều 144; khoản 1 Điều 157; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 206 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 79 Luật Đất đai 2013;

Căn cứ khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ điểm 2, khoản 1, Điều 1 Quyết định số 45/2023/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của **UBND tỉnh Đ**;

Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử:

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông **Lê Quốc T** về việc buộc **UBND thành phố B** đền bù toàn bộ diện tích nhà ở là 90m².

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Lê Quốc T** về việc:

Hủy một phần Quyết định số 7874/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện công trình: **Đường H** (Từ đoạn nối tiếp giai đoạn 1 đến **đường N**), **thành phố B**; Buộc **Ủy ban nhân dân thành phố B** bồi thường diện tích đất 65,1m² đã thu hồi theo loại đất nông nghiệp thành đất ở đô thị; Buộc **Ủy ban nhân dân thành phố B** giao 01 thửa đất tái định cư cho hộ ông **Lê Quốc T**.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

- Ngày 06/6/2025, ông **Lê Quốc T** kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa, ông **Lê Quốc Thanh vắng M** và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến trình bày của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên toà phúc thẩm người khởi kiện, người bị kiện đều vắng mặt. Người khởi kiện có kháng cáo là ông **Lê Quốc Thanh vắng M** và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy, đây là phiên toà mở lần hai, Toà án đã tổng đạt hợp lệ cho các bên đương sự nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người khởi kiện, người bị kiện theo quy định tại Điều 255 Luật tổ tụng hành chính.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 31 tại **phường T**, có nguồn gốc từ **Công ty L1** của Nhà nước bán thanh lý cho ông **Phạm Văn T3** năm 1992. Đến năm 1994, ông **T3** bán một phần diện tích đất được mua thanh lý cho ông **Lê Lý**. Sau đó ông **Lê L** cho tặng cho ông **Lê Quốc T** và được **Sở T4** cấp giấy chứng nhận QSD đất số DD 832913 ngày 27/01/2022 với tổng diện tích: 63m² đất ở. Tổng diện tích thửa đất theo hiện trạng là 128,1m², tăng 65,1m² đất là do khi cấp giấy chứng nhận trừ chỉ giới quy hoạch đường. Ngày 31/12/2023, **UBND thành phố B** ban hành Quyết định số 7874/QĐ-UBND, thu hồi 72,1m² đất của gia đình ông **T**. Trong đó: có 7,0m² đất ở đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 65,1m² đất trồng cây hàng năm khác chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất nhưng có cùng nguồn gốc với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2.2]. Xét yêu cầu khởi kiện yêu cầu đền bù 65,1 m² đất theo loại đất ở đô thị, Hội đồng xét xử xét thấy:

Mặc dù ông **T** xây nhà trên phần đất 65,1m² từ năm 1996. Tuy nhiên, theo Công văn số 374/QLĐT-QH của phòng quản lý đô thị cung cấp thông tin về thời điểm lần đầu ban hành quy định chỉ giới đường đỏ, kích thước mặt cắt ngang quy hoạch một số tuyến đường trên địa bàn **thành phố B** trong đó có đoạn **đường H**, qua đó quy hoạch **đường H** theo Quyết định 359/QĐ-UBND ngày 31/12/2007 của **Ủy ban nhân dân tỉnh Đ**. Như vậy, phần diện tích đất 65,1m² đã có quy hoạch chỉ giới **đường H** từ ngày 31/12/2007. Mặt khác, hồ sơ kỹ thuật thửa đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông **T** năm 2009 đã thể hiện diện tích đất 65,1m² của ông **T** nằm trong chỉ giới quy hoạch đường nên chỉ được cấp GCNQSDĐ đối với diện tích 63m², ông **T** đã biết rõ và chỉ nộp thuế đối với diện tích 63m² và không có ý kiến hay khiếu nại gì.

Do vậy, việc **UBND thành phố B** ban hành Quyết định số 7874/QĐ-UBND ngày 31/12/2023 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện công trình **đường H** (Từ đoạn nối tiếp giai đoạn 1 đến **đường N**), **thành phố B**. Trong đó ông **Lê Quốc T** được bồi thường diện tích 65,1m² đất thuộc chỉ giới quy hoạch đường không được cấp giấy chứng nhận QSD đất, được xác định là đất trồng cây hàng năm khác là đúng theo quy định. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của ông **T** yêu cầu bồi thường 65,1 m² đất theo loại đất ở đô thị là không có căn cứ.

[2.3] Xét yêu cầu khởi kiện yêu cầu giao đất tái định cư, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Quyết định số 7875/QĐ-UBND ngày 31/12/2023 của **UBND thành phố B** thu hồi đất của ông **T** là 72,1m². Trong đó: có 7,0m² đất ở đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 65,1m² đất trồng cây hàng năm khác chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, diện tích thu hồi chỉ có 07m² đất ở

nên không thuộc trường hợp được hỗ trợ đất ở theo Điều 5 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Mặc khác, diện tích đất ở còn lại của ông T sau khi thu hồi là 56,0 m² lớn hơn diện tích tối thiểu 40m² là đủ điều kiện để hình thành thửa đất và đủ điều kiện để ở. Do đó, việc ông T yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố B giao 01 thửa đất tái định cư cho hộ ông Lê Quốc T là không có căn cứ chấp nhận.

[3]. Từ những phân tích, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Quốc T; chấp nhận quan điểm của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

[4]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Lê Quốc Thanh T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[5]. Những nội dung khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính;

[1]. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Lê Quốc T. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 55/2025/HC-ST ngày 26/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Án phí hành chính phúc thẩm:

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Lê Quốc T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0000176 ngày 11/6/2025 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đ).

[3]. Những nội dung khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[4]. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và KSXX phúc thẩm tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Tồn